

Hà Nội, ngày 27 tháng 8 năm 2022

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
Năm 2021

I- THÔNG TIN CHUNG:

Công ty TNHH Mua Bán Nợ Việt Nam là Doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt, được thành lập theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg ngày 05/06/2003 và được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu theo mã số doanh nghiệp 0106000093 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 12 tháng 12 năm 2003. Ngày 30/06/2010, Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ký quyết định số 1494/QĐ-BTC về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp đã chính thức chuyển đổi thành Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam do Nhà nước làm chủ sở hữu và được Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Mã số doanh nghiệp là 0101431355. Giấy chứng nhận doanh nghiệp thay đổi lần thứ 07 ngày 26/04/2021.

Vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 119/QĐ-BTC ngày 27/01/2015 của Bộ Tài chính là: 6.000.000.000.000 đồng. (Bằng chữ: Sáu nghìn tỷ đồng)

Ngành nghề sản xuất kinh doanh chính

- Mua các khoản nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp (bao gồm cả tài sản và quyền sử dụng đất được sử dụng để bảo đảm cho các khoản nợ);
- Tiếp nhận để xử lý các khoản nợ và tài sản đã loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp Nhà nước;
- Xử lý các khoản nợ và tài sản đã mua, tiếp nhận theo quy định;
- Tư vấn, môi giới xử lý nợ và tài sản tồn đọng (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Kinh doanh bất động sản đối với các tài sản hình thành từ tiếp nhận nợ, tài sản; mua, bán, xử lý nợ và khai thác phần diện tích chưa sử dụng tại các trụ sở của Công ty (bao gồm cả các chi nhánh) nhằm nâng cao hiệu quả thu hồi nợ, tiếp tục thu hồi giá trị vốn nhà nước, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản cố định của DATC.

Công ty có trụ sở tại: Số 51, phố Quang Trung, P. Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

Các sự kiện sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Hội đồng Thành viên, Ban Giám đốc và Kiểm soát viên trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

Hội đồng Thành viên

Ông Lê Hoàng Hải	Chủ tịch
Ông Phạm Mạnh Thường	Ủy viên (Từ ngày 23/03/2021)
Ông Nguyễn Huy Lập	Ủy viên
Ông Phạm Quang Toàn	Ủy viên (Đến ngày 31/08/2021)

Ban Giám đốc

Ông Phạm Mạnh Thường	Tổng Giám đốc (từ ngày 15/04/2021)
Ông Phạm Mạnh Thường	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Ban điều hành (đến ngày 14/04/2021)
Ông Dương Thanh Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Hiền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Quang Toàn	Phó Tổng Giám đốc (Đến ngày 31/08/2021)

Kiểm soát viên

Ông Nguyễn Quang Huy	Kiểm soát viên
----------------------	----------------

Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực

hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, chế độ kế toán cho Công ty và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

II- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP TÓM TẮT TẠI NGÀY 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	31/12/2021	01/01/2021
1	2	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100	7.877.622.213.559	7.241.985.856.292
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	306.071.617.403	566.561.880.391
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	3.500.000.000.000	3.500.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	4.028.709.446.304	3.130.590.222.213
IV. Hàng tồn kho	140	42.675.641.600	44.527.933.996
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	165.508.252	305.819.692
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200	20.619.902.354.047	20.663.390.877.345
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	20.127.764.024.294	20.051.522.872.035
II. Tài sản cố định	220	117.403.660.211	121.489.026.165
III. Bất động sản đầu tư	240	35.573.548.439	35.896.443.492
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	175.801.402.701	301.783.041.348
V. Tài sản dài hạn khác	260	163.359.718.402	152.699.494.305
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270	28.497.524.567.606	27.905.376.733.637

NGUỒN VỐN	Mã số	Số cuối năm	Đầu năm
1	2	4	5
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300	22.583.332.622.781	22.044.999.306.654
I. Nợ ngắn hạn	310	2.105.276.420.334	1.656.594.239.525
II. Nợ dài hạn	330	20.478.056.202.447	20.388.405.067.129
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	5.914.191.944.825	5.860.545.426.983
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.914.023.944.825	5.860.377.426.983
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430	168.000.000	168.000.000
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440	28.497.524.567.606	27.905.544.733.637

III- TÓM TẮT BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Đơn vị tính: VNĐ

Chi tiêu	Mã số	2021	2020
1	2	3	4
1. Doanh thu hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1.308.164.826.927	1.306.300.602.273
2. Các khoản giảm trừ	02		
3. Doanh thu thuần hoạt động về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	1.308.164.826.927	1.306.300.602.273
4. Giá vốn hàng bán (Nợ và TS tồn đọng mua theo thỏa thuận)	11	1.152.039.907.830	1.256.385.872.717
6. Lợi nhuận gộp hoạt động mua, bán nợ và TS tồn đọng (20 = 10 - 11-12)	20	156.124.919.097	49.914.730.226
7. Doanh thu hoạt động tài chính	21	214.981.903.018	248.445.503.934
8. Chi phí tài chính	22	26.187.032.756	(35.960.554.913)
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23		
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	122.652.455.032	120.831.901.114
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30 = 20 + (21 - 22) - 25]	30	222.267.334.327	213.488.887.959
11. Thu nhập khác	31	955.830.182	1.649.191
12. Chi phí khác	32		361.158.971
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	955.830.182	(359.509.780)
14. Tổng lợi nhuận hoạt động (50 = 30 + 40)	50	223.223.164.509	213.129.378.179
15. Thuế thu nhập doanh nghiệp	51	43.841.438.371	42.498.143.140
16. Lợi nhuận thuần trong kỳ (60 = 50 - 51)	60	179.381.726.138	170.631.235.039

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

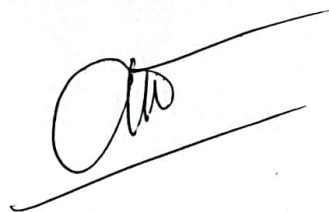
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	Cơ cấu tài sản	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản		9,30	7,15
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản		90,70	92,85
2	Cơ cấu nguồn vốn	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		6,24	9,60
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		93,76	90,40
3	Khả năng thanh toán	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		15,2	10,1
	- Khả năng thanh toán hiện hành		15,3	10,2
4	Tỷ suất lợi nhuận	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		2,58	2,60
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		13,02	13,69
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		2,90	3,03

Ghi chú: Đã loại trừ các khoản nợ phải thu, phải trả do phát hành trái phiếu SBIC

NGƯỜI LẬP BIỂU

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TỔNG GIÁM ĐỐC



Trương Thị Mai Dung



Nguyễn Anh Tú




Phạm Mạnh Thường